

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06- 5-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con và chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trí
2. Bà Huỳnh Thị Thuỳ Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 và 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 464/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đăng Q, sinh năm 1967; HKTT: Số 178 đường T Tổ 8, Khu phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ liên lạc: 95A đường L, Khu phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ H – Luật sư Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Mỹ T, sinh năm 1976; HKTT: Số 178 đường T, Tổ 8, Khu phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Đặng Anh V, sinh năm 1985; địa chỉ liên lạc: Số 178 đường T, Tổ 8, Khu phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 2000; HKTT: Số 178 đường T, Tổ 8, Khu phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2020, bản tự khai và đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 23/4/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Q trình bày: Ông Nguyễn Đăng Q và bà Nguyễn Mỹ T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương năm 2000 theo Giấy đăng ký kết hôn số 70, Quyền 01/2000 ngày 20/4/2000. Ông và bà Thủy có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Thắng sinh ngày 19/10/2000 và cháu Nguyễn Thanh Kim Ngân sinh ngày 29/02/2004. Hiện nay 02 cháu đang sống chung với mẹ là bà Nguyễn Mỹ T. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng sống không hạnh phúc, lý do ông Quang sức khỏe yếu, hiện đang bị bệnh phải thường xuyên điều trị, vợ ông thường xuyên bỏ bê không quan tâm chăm sóc nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng ông đã sống ly thân. Năm 2019, bà Thủy đã một lần làm đơn ly hôn nhưng chưa được Tòa án giải quyết, lý do trước đây tên của ông là Nguyễn Thanh Quang nhưng sau này đã được xác định lại tên của mình là Nguyễn Đăng Q theo giấy khai sinh và giấy xác nhận số 258/XN ngày 04/7/2020 của Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Bình Dương. Từ năm 2015 đến nay ông Quang cũng đã cố gắng để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không được cải thiện.

Do vậy, ông Quang khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: ông Q yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Mỹ T.

Về con chung: Sau khi ly hôn, ông Q đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Thanh Kim Ngân sinh ngày 29/02/2004 cho bà Nguyễn Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp con chung Nguyễn Thanh Kim Ngân có nguyện vọng được sống chung với ông thì ông đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu bà Nguyễn Mỹ T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Đức Thắng sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được một số tài sản chung và ông Q có một số tài sản riêng như sau:

Về tài sản riêng: Trước khi kết hôn với bà Nguyễn Mỹ T ông Q đã tạo lập được tài sản riêng là phần đất diện tích 139,97m² tọa lạc tại số 178, tổ 8, khu phố 5, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954 QSDĐ/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thanh Q (nay là Nguyễn Đăng Q) ngày 07/7/1998. Sau khi nhận chuyển nhượng đất ông Q đã xây căn nhà cấp III vào năm 1998. Đến năm 2000 thì ông kết hôn với bà Nguyễn Mỹ T và hai vợ chồng sống chung tại căn nhà này đến khi mâu thuẫn. Ông Q xác định nhà và đất tại địa chỉ nêu trên là tài sản riêng trước hôn nhân nên ông không đồng ý chia.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông và bà Mỹ T đã tạo lập được một số tài sản chung sau đây và ông yêu cầu chia như sau:

1/ Phần nhà cho thuê gồm nhà trọ và ki ốt diện tích khoảng 180m² trên phần diện tích 139,97m² tại số 178, tổ 8, khu phố 5, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa,

thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954 QSDĐ/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thanh Q (sau này là Nguyễn Đăng Q) được xây dựng năm 2003 là tài sản chung của vợ chồng; ông yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản;

Do phần nhà cho thuê này đang nằm trên nhà đất thuộc tài sản riêng của ông Q nên ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật đối với tài sản này; Đồng ý thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho bà Thủy;

2/ Đối với chiếc xe Toyota biển số 61A-631.14 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/6/2019 mang tên Nguyễn Đăng Q hiện ông Q đang quản lý sử dụng. Ông Q yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cho bà Thủy.

3/ Đối với quyền sử dụng đất diện tích 277,5m² tọa lạc tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu 9, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00706/CN QSDĐ/H ngày 07/01/2002 do UBND thị xã Thủ Dầu Một (nay là UBND thành phố Thủ Dầu Một) cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh Q (nay là ông Nguyễn Đăng Q). Ông Q yêu cầu được nhận hiện vật đối với tài sản này và đồng ý thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho bà Thủy;

4/ Đối với Căn hộ chung cư số 309 thuộc Chung cư nhà ở xã hội Phú Hòa diện tích 53,6m² tọa lạc phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất số CO 475940 (sổ vào sổ là CS 13009) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/12/2018 cho bà Nguyễn Mỹ T. Ông Q yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị và đồng ý giao tài sản này cho bà Mỹ Thủy quản lý sử dụng.

Đối với các tài sản là vật dụng sinh hoạt, đồ đạc gia đình ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bị đơn bà Nguyễn Mỹ T trình bày: Tại bản tự khai ngày 20/11/2020, bà Thủy thông nhất ý kiến trình bày của ông Nguyễn Đăng Q về thời gian kết hôn, về con chung và những mâu thuẫn vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 nhưng bà Thủy không đồng ý ly hôn và chờ đến khi con chung trưởng thành sẽ ly hôn nhưng yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con và đề nghị tự thỏa thuận về tài sản chung.

Tuy nhiên đến ngày 22/12/2020, bà Thủy có bản tự khai trình bày như sau: Về quan hệ hôn nhân, bà Thủy cho rằng cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn nghiêm trọng, năm 2017 ông Q có đánh bà Thủy nhưng được đại diện khu phố can ngăn nên sau đó ông Q đã khắc phục, nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên bà Thủy không đồng ý ly hôn

Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Thủy xác định vợ chồng cùng nhau tạo lập được những tài sản mà ông Nguyễn Đăng Q đã liệt kê nhưng chưa đầy đủ. Cụ thể theo bà Thủy tài sản chung vợ chồng tạo lập gồm:

1. 01 căn nhà cấp III 01 trệt 1 lầu xây dựng năm 2006; 01 căn kiot và 8 phòng trọ tọa lạc tại số 178 Trần Văn Ôn, tổ 8, khu phố 5, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954

QSDĐ/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh Q ngày 07/7/1998 (hiện nay là Nguyễn Đăng Q).

2. Quyền sử dụng đất số V447955, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00706/CNQSDĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 01/07/2002 cho hộ ông Nguyễn Thanh Q (hiện nay là Nguyễn Đăng Q). Đất có diện tích 277,5m² tọa lạc tại Khu 9, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. 01 căn hộ chung cư số 309 thuộc Chung cư nhà ở xã hội Phú Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO475940, vào sổ số CS13009 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Mỹ Thủy ngày 17/12/2018, căn hộ có diện tích 53,6m² tọa lạc tại phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

4. 01 chiếc xe ô tô Toyota biển số 61A – 631.14 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/06/2019 cho ông Nguyễn Đăng Q.

Căn nhà cấp III được xây dựng vào năm 2006 trên phần đất mà ông Nguyễn Đăng Q được cấp giấy chứng nhận từ năm 1998. Nguồn tiền để xây dựng căn nhà này là do hai vợ chồng đi vay và đã trả xong, nhà chưa được cấp quyền sở hữu. Do vậy, bà Thủy yêu cầu được chia ½ giá trị căn nhà trên. Đối với Quyền sử dụng đất số 954 QSDĐ/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh Q ngày 07/7/1998; bà Thủy xác định hiện bà và hai con đang sinh sống trên nhà đất này và trực tiếp quản lý nhà trọ, kiot nên bà Thủy đề nghị được tiếp tục quản lý khu nhà trọ và ki ốt cho thuê và thu tiền cho thuê để lo cho hai con học đến khi đủ 18 tuổi. Bà yêu cầu chia ½ giá trị nhà đất này, yêu cầu nhận hiện vật.

Đối với quyền sử dụng đất số V447955, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00706/CNQSDĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 01/07/2002 cho hộ ông Nguyễn Thanh Q (hiện nay là Nguyễn Đăng Q). Đất có diện tích 277,5m² tọa lạc tại Khu 9, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Bà Thủy yêu cầu chia đôi quyền sử dụng đất này, yêu cầu nhận hiện vật và thanh toán 1/2 giá trị cho ông Q.

Đối với Căn hộ chung cư 309 thuộc Chung cư nhà ở xã hội Phú Hòa, hiện tại bà Thủy là người đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 475940, số vào sổ cấp GCN CS13009 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/12/2018; Bà Thủy đồng ý giao cho ông Q sở hữu căn hộ chung cư này và yêu cầu nhận ½ giá trị.

Chiếc xe ô tô vios biển số 61A-631.14 hiện do ông Q đứng tên và quản lý sử dụng, bà đồng ý giao cho ông Q tiếp tục quản lý sử dụng và yêu cầu nhận ½ giá trị tài sản này.

Về nợ chung: Bà Thủy không có ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Anh V: ông V là người trực tiếp thuê căn kiot (diện tích khoảng 30m²) của ông Nguyễn Đăng Q và bà Nguyễn Mỹ T từ năm 2011 cho đến nay để kinh doanh nước uống và thức ăn vặt. Căn kiot là

do ông Q bà Thủy đầu tư xây dựng, ông V xác định giữa ông và bà Thủy, ông Q không ký hợp đồng thuê mà chỉ thỏa thuận miệng, mỗi tháng tiền thuê là 3.000.000đồng và tăng dần cho đến nay là 12.000.000đồng/tháng. Hàng tháng, ông Vũ trực tiếp thanh toán tiền mặt cho bà Thủy, cũng không làm giấy tờ giao nhận tiền. Nay, giữa ông Q bà Thủy tranh chấp thì ông Vũ không có ý kiến, chỉ yêu cầu được tiếp tục hợp đồng và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T: ông T là con của ông Q bà Thủy và theo Công văn số 101/CATP-QLHC ngày 23/9/2021 của Công an thành phố Thủ Dầu Một, Văn bản trả lời số 1885/UBND-VP ngày 05/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xác định ông Thắng có tên trong sổ hộ khẩu tại thời điểm hộ ông Nguyễn Thanh Q được cấp quyền sử dụng đất số V447955, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00706/CNQSDĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 01/07/2002 nhưng ông Thắng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 23/4/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Q có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản là 08 căn nhà trọ và 01 ki ốt, tổng diện tích khoảng 180m² tọa lạc tại số 178 đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vì quá trình giải quyết vụ án, bà Thủy cản trở không cho cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc, định giá đối với các tài sản gắn liền trên phần đất trên nên ông Q đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với các tài sản gắn liền trên đất như trên. Đối với căn nhà cấp 3 trên đất ông Q xác định là tài sản chung của vợ chồng nhưng do không tiến hành đo đạc định giá được nên ông đề nghị xác định giá theo giá do bà Thủy đưa ra tại đơn phản tố ngày 22/12/2020 là 200.000.000đồng để làm căn cứ giải quyết; các yêu cầu khởi kiện còn lại ông Q giữ nguyên yêu cầu và yêu cầu được ly hôn với bà Thủy.

Tại phiên tòa, ông Q xác định hiện tại bà Thủy và các con ông đang sinh sống và học tập ổn định tại nhà số 178 Trần Văn Ôn nên ông tự nguyện giao toàn bộ nhà đất gồm 01 căn nhà cấp III 01 trệt 1 lầu, 01 căn kiot và 8 phòng trọ gắn liền quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954 QSDĐ/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh Q (hiện nay là Nguyễn Đăng Q) cho bà Thủy quản lý sử dụng, mặc dù đây là quyền sử dụng đất riêng của ông Q và ông đã được cấp quyền sử dụng đất trước khi kết hôn với bà Thủy. Đề nghị bà Thủy thanh toán ½ giá trị căn nhà tương đương 100.000.000đồng cho ông Q. Đối với Quyền sử dụng đất diện tích 277,5m² tọa lạc tại Khu 9, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; căn hộ chung cư số 309 thuộc Chung cư nhà ở xã hội Phú Hòa và chiếc xe ô tô Toyota biển số 61A – 631.14 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/06/2019 cho ông Nguyễn Đăng Q, ông Q yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý thanh toán ½ giá trị tài sản.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị công nhận quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954 QSDĐ/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh Q (hiện nay là Nguyễn Đăng Q) là tài sản riêng của ông Q và ghi nhận ý chí tự nguyện của ông Q tại phiên tòa.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên

tòa, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự theo quy định tại Điều 68 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ đầy đủ, đúng trình tự theo quy định. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 48, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm.

+ Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức Thắng chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện và xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Q khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn với bà Nguyễn Mỹ T, bà Thủy hiện đang cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

[1.2] Ngày 23/4/2021, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản là 08 căn nhà trọ và 01 căn kiốt gắn liền phần đất 139,97m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954 QSDĐ/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thanh Q nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp tài sản chung này.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Mỹ T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức T theo đúng quy định nhưng bà T và ông T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Anh V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và không có yêu cầu độc lập. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Q kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2003, Quyền số 01/2003, ngày 20 tháng 4 năm 2000 nên hôn nhân giữa bà T và ông Q là hợp pháp, phù hợp định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông Q xác định từ năm 2015 đến nay vợ chồng sống không hạnh phúc, lý do ông Q sức khỏe yếu, hiện đang bị bệnh phải thường xuyên điều trị, vợ ông là bà Thủy thường xuyên bỏ bê không quan tâm chăm sóc ông, vợ chồng thường xuyên tranh cãi nên ông đã bỏ ra ngoài sống ly thân. Năm 2019, bà Thủy đã một lần làm đơn ly hôn nhưng chưa được Tòa án giải quyết, lý do trước đây tên của ông là Nguyễn Thanh Q nhưng sau này đã được xác định lại tên của mình là Nguyễn Đăng Q theo giấy khai sinh và giấy xác nhận số 258/XN ngày 04/7/2020 của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Bình Dương. Từ năm 2015 đến nay ông Q cũng đã cố gắng để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không được cải thiện. Do vậy, ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Mỹ T.

Căn cứ biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông Q và bà Thủy tại Ủy ban nhân dân phường Phú Hoà, lời khai của bà Thủy tại bản tự khai ngày 20/11/2020 có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà Thủy và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Thực tế, ông Q và bà Thủy đã không còn sống chung nên không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, ông Q yêu cầu được ly hôn với bà Thủy là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông Q và bà Thủy thống nhất ông bà có 02 người con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 19/10/2000 và Nguyễn Thanh Kim Ng, sinh ngày 29/02/2004. Quá trình giải quyết vụ án ông Q và bà T đều có lời khai xác định hai con chung đều đang sinh sống, học tập ổn định cùng bà Thủy tại nhà số 178 Trần Văn Ôn. Đối với con chung Nguyễn Đức T hiện đã trên 18 tuổi và đã được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng ông Thắng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Đối với con chung Nguyễn Thanh Kim Ng tại đơn khởi kiện do chưa đủ 18 tuổi nên ông Q có yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung nhưng đến thời điểm xét xử cháu đã trên 18 tuổi nên tại phiên tòa ông Q không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con do các con chung đều đã trên 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và biên bản định giá tài sản ngày 19/3/2021, xác định trong thời kỳ hôn nhân, bà T và ông Q tạo dựng được các tài sản chung như sau:

- 01 Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu 9, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương số V447955, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00706/CNQSDĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 01/07/2002 cho hộ ông Nguyễn Thanh Q (hiện nay là Nguyễn Đăng Q) có diện tích 277,5m² qua đo đạc thực tế là 332,2m² bao gồm 150m² đất đô thị và 182,2m² đất trồng cây lâu năm. Phần diện tích đất chênh lệch 54,7m² tăng thêm qua thu thập chứng cứ hồ sơ nguồn gốc đất Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xác định do mở rộng đường nên các kích thước các cạnh có thay đổi. Ngày 08/11/2021, nguyên đơn có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu xem xét giải quyết đối với phần diện tích tăng thêm 54,7m², phần đất có giá trị:

150m² (đất ở đô thị) x 30.000.000đồng/1m² + 182,2m² (đất trồng cây lâu năm) x 20.000.000 đồng/1m² = 8.144.000.000đồng;

- 01 căn hộ chung cư số 309 thuộc Chung cư nhà ở xã hội Phú Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO475940, vào sổ số CS13009 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Mỹ Thủy ngày 17/12/2018, có diện tích 53,6m² có giá 1.500.000.000đồng

- 01 chiếc xe ô tô Toyota biển số 61A – 631.14 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/06/2019 cho ông Nguyễn Đăng Q có giá 450.000.000đồng

- 01 căn nhà cấp 3 gắn liền Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954 QSDĐ/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thanh Q theo giá do ông Q bà Thủy thống nhất đưa ra là 200.000.000đồng

Tổng giá trị tài sản chung của ông Q bà Thủy là 10.294.000.000đồng

- Đối với Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954 QSDĐ/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thanh Q gồm có 150m² đất ở đô thị và 172,2m² đất hàng lang giao thông có giá trị:

150m² (đất ở đô thị) x 80.000.000đồng/1m² + 172,2m² (đất hàng lang giao thông (tương đương đất trồng cây lâu năm) x 68.000.000đồng/1m² = 23.709.600.000đồng;

Qua đối chiếu hồ sơ nguồn gốc đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cung cấp và Văn bản trả lời của UBND thành phố Thủ Dầu Một, căn cứ ý kiến trình bày của ông Q bà Thủy thể hiện nguồn gốc phân đất ông Q nhận chuyển nhượng và được cấp quyền sử dụng đất từ năm 1998 trước khi kết hôn với bà Thủy, bà Thủy có ý kiến yêu cầu chia ½ giá trị quyền sử dụng đất này nhưng không đưa ra căn cứ chứng minh đây là tài sản chung của vợ chồng, đồng thời tại đơn phản tố ngày 22/12/2020 bà T cũng yêu cầu chia ½ quyền sử dụng đất trên nhưng không thực hiện việc nộp tạm ứng án phí theo quy định nên không có căn cứ xác định đây là tài sản chung của bà và ông Q. Bà Thủy không có yêu cầu phản tố. Ông Q xuất trình hồ sơ nguồn gốc đất thể hiện đây là tài sản hình thành trước thời kỳ hôn nhân phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định đây là tài sản riêng của ông Q

Đối với các tài sản gắn liền trên đất gồm 01 căn nhà cấp III kết cấu tường bê tông, nền gạch, mái ngói; 08 căn phòng trọ và 01 căn kiốt có tổng diện tích khoảng 180m² ông Q bà T đều có lời khai thống nhất xác định đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng ông Q đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản gắn liền là 08 căn phòng trọ và 01 căn kiốt vì quá trình đo đạc định giá bà Thủy không hợp tác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Mặc dù, ông Q xác định quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954 QSDĐ/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho ông là tài sản riêng của ông nhưng quá trình giải quyết vụ án ông thừa nhận đã không còn sinh sống tại nhà đất trên cùng bà T và các con từ năm 2015, ông Q đã ra sống riêng và để nhà đất cùng nhà trọ, ki ốt cho bà T quản lý và trực tiếp chăm sóc hai con chung nên ông đồng ý giao lại toàn bộ quyền sử dụng đất, 01 căn nhà cấp 03, 08 căn phòng trọ và 01 căn kiốt gắn liền theo Biên bản xem xét thẩm định ngày 19/3/2021 cho bà T trực tiếp quản lý sử dụng, bà T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Q ½ giá trị căn nhà là 100.000.000đồng và căn trừ vào giá trị tài sản chung vợ chồng bà T được chia, bà T còn phải thanh toán phần giá trị chênh lệch cho ông Q

Quá trình giải quyết vụ án, bà T cung cấp các bản tự khai thể hiện sự mâu thuẫn nhưng Toà án không tiến hành đối chất được do bà Thuỷ vắng mặt trong suốt quá trình hoà giải, xét xử, bà T cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác. Tuy nhiên, nhận thấy thực tế bà T cũng có một phần công sức đóng góp gìn giữ đối với nhà đất tọa lạc tại số 178 Trần Văn Ôn và bà T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, quá trình giải quyết vụ án mặc dù 02 con chung đã trên 18 tuổi nhưng cũng là thành viên hộ gia đình nên căn cứ vào Điều 27 và Điều 95 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 33, Điều 59 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần tính công sức đóng góp cho bà T trong khối tài sản riêng của ông Q đối với quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954 QSDĐ/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thanh Q là 20% công sức đóng góp gìn giữ là 4.741.920.000đồng.

Ghi nhận ý chí tự nguyện của ông Q về việc giao toàn bộ quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954 QSDĐ/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thanh Q cùng các tài sản gắn liền trên đất gồm 01 căn nhà cấp III kết cấu tường bê tông, nền gạch, mái ngói; 08 căn phòng trọ và 01 căn kiốt có tổng diện tích khoảng 180m² cho bà Thuỷ quản lý sử dụng;

Giao cho ông Q được toàn quyền quản lý sử dụng đối với các tài sản gồm 01 Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu 9, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương số V447955, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00706/CNQSDĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 01/07/2002 cho hộ ông Nguyễn Thanh Q; 01 căn hộ chung cư số 309 thuộc Chung cư nhà ở xã hội Phú Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO475940, vào sổ số CS13009 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/12/2018; 01 chiếc xe ô tô Toyota biển số 61A – 631.14 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/06/2019.

Cân đối giá trị tài sản bà T được chia là 9.888.920.000đồng; giá trị tài sản bà T được giao là 23.709.600.000đồng + 200.000.000đồng = 23.909.600.000đồng, bà T phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Q giá trị tài sản chênh lệch là: 14.020.680.000đồng.

[2.4]. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp.

[4]. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chi phí do đặc, thẩm định và định giá tài sản là 8.090.000 đồng, bà T ông Q mỗi người phải chịu 4.045.000đồng; do ông Q đã nộp tại Tòa án nên bà T có trách nhiệm hoàn trả cho ông Q số tiền là: 4.045.000đồng

[5]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đăng Q phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; bà T không phải nộp.

Về án phí dân sự:

- Ông Nguyễn Đăng Q phải nộp trên giá trị tài sản được chia là 113.147.000đồng

- Bà Nguyễn Mỹ T phải nộp trên giá trị tài sản được chia là 117.888.920 đồng
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 244, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 56, 83, 84 và 95 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Q đối với yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp tài sản khi ly hôn gồm 08 căn nhà trọ và 01 căn kiốt gắn liền phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954 QSDĐ/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thanh Q ngày 07/7/1998.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Q về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung và chia tài sản khi ly hôn” đối với bị đơn bà Nguyễn Mỹ T.

2.1 *Về quan hệ hôn nhân:* ông Nguyễn Đăng Q được ly hôn với bà Nguyễn Mỹ T

2.2 *Về con chung:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do con chung đều đã trên 18 tuổi

2.3 *Về tài sản:*

- Chia cho bà Nguyễn Mỹ T được toàn quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954 QSDĐ/1998 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thanh Q ngày 07/7/1998 cùng các tài sản gắn liền trên đất; (Có sơ đồ kèm theo)

- Giao cho ông Nguyễn Đăng Q được quản lý, sử dụng các tài sản sau:

+ 01 Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu 9, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương số V447955, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00706/CNQSDĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 01/07/2002 cho hộ ông Nguyễn Thanh Q;

+ 01 căn hộ chung cư số 309 thuộc Chung cư nhà ở xã hội Phú Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO475940, vào sổ số CS13009 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/12/2018;

+ 01 chiếc xe ô tô Toyota biển số 61A – 631.14 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/06/2019.

Bà Nguyễn Mỹ T và ông Nguyễn Đăng Q có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu đối với các tài sản được chia giao.

3. Bà Nguyễn Mỹ T phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Đăng Q giá trị tài sản chênh lệch là: 14.020.680.000đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Mỹ T phải chịu số tiền là: 4.045.000đồng (bốn triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) để hoàn trả cho ông Nguyễn Đăng Q.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đăng Q phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình và 113.147.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng và 10.600.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0050491 ngày 09/10/2020, ông Nguyễn Đăng Q còn phải nộp 102.547.000đồng.

- Bà Nguyễn Mỹ T phải chịu 117.888.920 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Hoà, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Duy Nhân